

BÀI 2. THƠ VĂN NGUYỄN DU

*** Yêu cầu cần đạt**

- Vận dụng được những hiểu biết về bối cảnh lịch sử, tác giả, truyện thơ Nôm,

thể loại thơ Đường luật để đọc hiểu những đoạn trích tiêu biểu trong *Truyện Kiều*, thơ chữ Hán của Nguyễn Du; thấy được vẻ đẹp tâm hồn tài năng cùng những đóng góp to lớn của đại thi hào đối với sự phát triển của văn học dân tộc.

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của phép đối.
- Biết viết văn bản nghị luận và biết thuyết trình, giới thiệu một tác phẩm tự chọn (điện ảnh, sân khấu, âm nhạc, hội họa...).
- Tự hào về Nguyễn Du và có ý thức phát huy di sản văn học của đại thi hào dân tộc.

*** Nội dung và thời lượng**

1. Đọc

- Đọc hiểu VB 1: *Nguyễn Du cuộc đời và sự nghiệp* 01 tiết
- Đọc hiểu VB 2: *Trao duyên* (trích *Truyện Kiều*) 02 tiết
- Đọc hiểu VB 3: *Độc Tiểu Thanh kí* 02 tiết
- Thực hành đọc hiểu: *Anh hùng tiếng đã gọi rằng* 01 tiết
(Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

2. Thực hành tiếng Việt

- Biện pháp tu từ đối 01 tiết

3. Viết

- Viết bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật 02 tiết

4. Nói và nghe

- Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật 01 tiết

5. Tự đánh giá và hướng dẫn tự học

- *Thề nguyền* (Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du) 01 tiết
-

PHẦN ĐỌC (Đọc hiểu văn bản)

Tiết 13. NGUYỄN DU- CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP

I. Mục tiêu bài dạy

1. Kiến thức

- Nắm rõ một số nét chính về hoàn cảnh xã hội và tiểu sử Nguyễn Du có ảnh hưởng đến sáng tác của đại thi hào
- Nắm được một số đặc điểm chính trong sự nghiệp sáng tác và những đặc trưng cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong các tác phẩm của Nguyễn Du.

2. Năng lực

2.1. Năng lực ngôn ngữ và văn học

- Học sinh biết cách đọc hiểu văn bản khái quát về cuộc đời, sự nghiệp của một tác giả. Vận dụng được hiểu biết về bối cảnh lịch sử văn hóa, về tác giả và thể loại vào việc đọc hiểu các tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Du. Qua đó, thấy được vẻ đẹp con người và thơ văn Nguyễn Du, những đóng góp của ông cho sự phát triển văn học dân tộc.
- Nhận biết và phân tích được vẻ đẹp giá trị nội dung và nghệ thuật thơ văn Nguyễn Du
- Biết viết bài / thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật.

2.2. Về năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động trong cuộc sống, tự tin vào bản thân, bình tĩnh trước khó khăn.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp; biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ để trình bày thuyết phục một vấn đề, một ý tưởng; tự tin chủ động trong giao tiếp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phân tích, đánh giá vấn đề; hình thành, kết nối các ý tưởng; có tư duy phản biện.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Tự hào về truyền thống văn hóa, chống giặc ngoại xâm của dân tộc; truyền thống nhân nghĩa, nhân văn của người Việt Nam.
- Nhân ái: Biết yêu thương, bao dung con người.
- Trung thực: Biết nhận thức và hành động theo lẽ phải; dũng cảm đấu tranh bảo vệ lẽ phải và những điều tốt đẹp.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị: máy chiếu, máy tính; phiếu học tập; giấy A4, A3, A0, giấy màu, giấy nháp; bút màu, bút dạ, bảng phụ.. để HS làm việc nhóm

2. Học liệu: sách giáo khoa Ngữ văn 11 (tập 1- bộ Cánh diều); sách bài tập Ngữ văn 11; sách giáo viên Ngữ văn 11 và các loại sách tham khảo khác..

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; xác định nhiệm vụ đọc hiểu văn bản

b. Sản phẩm: Kết quả tìm hiểu và câu trả lời của HS

c. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu video giới thiệu về tác giả Nguyễn Du. GV nêu câu hỏi: Những thông tin nghe được về đoạn trích video? Tóm tắt lại nội dung chính trong đoạn trích video *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi *Bước 3: Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ, báo cáo *Bước 4: Kết luận, nhận định GV dẫn dắt vào bài học: Nguyễn Du là một đại thi hào lỗi lạc của nền Văn học Việt Nam . Ông có những đóng góp lớn cho nền văn học nước nhà với những tác phẩm tiêu biểu được cả thế giới biết đến như thi phẩm Truyện Kiều- đỉnh cao của văn học dân tộc, là tinh hoa văn hóa ánh mãi ngàn đời. Cuộc đời và sự nghiệp Nguyễn Du đã tạo dấu ấn không thể phai mờ của thơ ca trung đại Việt Nam..	Học sinh xem đoạn phim và trả lời: đoạn vi deo giới thiệu về cuộc đời, sự nghiệp tác giả Nguyễn Du; ghi lại những thông tin quan trọng...

HOẠT ĐỘNG 2. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được các đơn vị kiến thức (tri thức nền) liên quan đến bài học: môi trường gia đình, bối cảnh lịch sử, cuộc đời tác giả.. tác động ảnh hưởng tới con người và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Du.
- Nắm được thể loại, cốt truyện, nhân vật , người kể chuyện, ngôn ngữ, biện pháp tu từ đối trong *Truyện Kiều* .

b. Sản phẩm:

- HS thực hiện các yêu cầu theo cá nhân hoặc theo nhóm
- Kết quả tìm hiểu và câu trả lời của học sinh (Điền các thông tin vào phiếu)

c. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu đọc kiến thức sgk, cùng với sự chuẩn bị ở nhà hoàn thành phiếu học tập số 1 (Phần phụ lục) - Thời gian : 10 phút *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học (làm việc cá nhân) *Bước 3: Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu *Bước 4: Kết luận, nhận định GV chốt những kiến thức cơ bản (chiếu slide) HS ghi ngắn gọn kết hợp chữa vào phiếu	I. Kiến thức Ngữ văn 1. Môi trường gia đình, bối cảnh lịch sử, cuộc đời tác giả với việc đọc hiểu thơ văn - Môi trường gia đình, bối cảnh lịch sử là những yếu tố khách quan tác động tới có ảnh hưởng tới cuộc đời, con người và sáng tác của tác giả. Ngược lại, tác phẩm chính là “tấm gương phản chiếu tác giả”. - > Vì vậy, cần vận dụng những kiến thức về bối cảnh lịch sử, gia đình cuộc đời, con người của nhà văn để đọc hiểu tác phẩm. 2. Thể loại, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, nghệ thuật miêu tả, và ngôn ngữ trong Truyện Kiều * Thể loại: <i>Truyện Kiều</i> tiêu biểu cho truyện thơ Nôm, kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình. * Cốt truyện: - Dựa vào cốt truyện tác phẩm ” Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân(Trung Quốc) - Kết cấu gồm 3 phần: Gặp gỡ- Tai biến- Đoàn tụ. * Nhân vật: - Được phân chia: tốt- xấu, thiện-ác; nhưng cũng có những nhân vật không phân chia theo loại (nhân vật có sự đan xen tốt – xấu như Thúc Sinh, Hoạn Thư) - Tính cách nhân vật được khắc họa với dáng vẻ bên ngoài - Nội tâm nhân vật: được thể hiện qua lời người kể chuyện, bút pháp tả cảnh ngụ tình, độc thoại nội tâm * Người kể chuyện: - Chủ yếu ở ngôi thứ ba; điểm nhìn trần thuật từ bên ngoài câu chuyện. - Trong <i>Truyện Kiều</i>, điểm nhìn trần thuật có sự thay đổi.Từ người đứng ngoài câu chuyện thành người trong cuộc, kết hợp người kể chuyện hạn tri và người kể chuyện toàn tri; kết hợp kể với

	biểu đạt tình cảm. * Nghệ thuật miêu tả: - Trong <i>Truyện Kiều</i>, thiên nhiên có khi là đối tượng thẩm mĩ, được miêu tả chân thực, sinh động, có khi là phương tiện thể hiện tình cảm với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. - Nhân vật chính diện: được miêu tả bằng bút pháp ước lệ, lí tưởng hóa. Nhân vật phản diện được miêu tả bằng bút pháp tả thực. * Ngôn ngữ: - Ngôn ngữ đời sống, ngôn ngữ văn học dân gian, ngôn ngữ bác học kết tinh từ sách vở -> vẻ đẹp bình dị, cổ điển 3. Biện pháp tu từ đối * Khái niệm : - Đối là biện pháp tu từ, theo đó người viết (người nói) sắp đặt những từ ngữ hoặc câu có đặc điểm ngữ âm ngữ nghĩa, ngữ pháp tương tự hoặ tương phản nhau ở những vị trí đối xứng trong câu hoặc trong văn bản để gợi ra một nội dung hoàn chỉnh; làm nổi bật một ý nghĩa nhất định. * Phân loại: - Trường đối (bình đối): Biện pháp đối thường thực hiện giữa hai dòng thơ hoặc hai câu văn. - Tiểu đối: Biện pháp đối thường thực hiện giữa các từ ngữ trong một dòng thơ hoặc một câu văn
Hoạt động đọc văn bản *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (HS làm việc cá nhân) - Yêu cầu HS trình bày lại cách thức đọc hiểu văn bản Nguyễn Trãi – cuộc đời và sự nghiệp theo gợi ý của SGK. - GV yêu cầu HS đọc kiến thức sgk. Mỗi HS đọc một đoạn - GV nhận xét giọng đọc; giải nghĩa từ khó - Yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi	II. Đọc hiểu văn bản :Nguyễn Du - Cuộc đời và sự nghiệp 1. Đọc và tìm hiểu chú thích - Sản phẩm cần đạt: đọc to, rõ ràng diễn cảm - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó 2. Bố cục văn bản: Văn bản Nguyễn Du – Cuộc đời và sự nghiệp gồm 2 phần lớn: - Phần I – Cuộc đời từng trải với vốn sống phong phú: thông tin về cuộc đời, con người Nguyễn Du và những biến cố tác động ảnh hưởng tới sáng tác văn chương của ông.

? Văn bản Nguyễn Du – Cuộc đời và sự nghiệp gồm mấy phần? Hãy xác định nội dung chính của từng phần *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS theo dõi sgk, trả lời *Bước 3: Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ, báo cáo *Bước 4: Kết luận, nhận định GV chốt kiến thức	- Phần II – Đại thi hào dân tộc: những thành công trong sáng tác của Nguyễn Du.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

a. Mục tiêu:

HS vận dụng tri thức ngữ văn để:

- Nắm được những thông tin về hoàn cảnh lịch sử, quê hương, gia đình... tác động tới cuộc đời con người, sự nghiệp văn học của Nguyễn Du
- Nắm được sự nghiệp sáng tác (đặc điểm về nội dung và nghệ thuật) của thơ văn Nguyễn Du

b. Sản phẩm: Kết quả tìm hiểu và câu trả lời của học sinh

c. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Đọc hiểu văn bản chi tiết Tìm hiểu mục 1: Cuộc đời từng trải với vốn sống phong phú của Nguyễn Du *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 2 theo nhóm Phiếu học tập số 2 - Nhóm 1: Những đặc điểm lưu ý về gia đình, dòng họ Nguyễn Du - Nhóm 2: Những biến cố lịch sử nào tác động tới cuộc đời, con người Nguyễn Du - Nhóm 3: Những điểm đáng lưu ý nào về cuộc đời có ảnh hưởng tới sáng tác văn chương của Nguyễn Du *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận và hoàn thành phiếu học tập	III. Đọc hiểu văn bản chi tiết 1. Cuộc đời từng trải với vốn sống phong phú a. Quê quán, gia đình - Quê quán: làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, sinh ra ở Thăng Long - Gia đình, dòng họ: Có truyền thống khoa bảng, đỗ đạt làm quan; có truyền thống văn hóa, văn học + Cha: Nguyễn Nghiễm (đỗ tiến sĩ, làm quan to trong triều, từng giữ chức tể tướng), là nhà sử học, nhà thơ; từng giữ chức quan Tể tướng đứng đầu Quốc Tử Giám + Mẹ: Trần Thị Tần (quê Bắc Ninh, có tài hát xướng) + Anh cùng cha khác mẹ - Nguyễn Khản: đỗ tiến sĩ, giỏi văn chương Nôn, say mê sáng tác âm nhạc -> Nguyễn Du xuất thân trong gia đình có dòng dõi làm quan, đỗ đạt, truyền thống văn hóa văn

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trình bày phần bài làm *Bước 4: Kết luận, nhận định GV chốt lại các ý cơ bản GV nhận xét, đánh giá, biểu dương Tìm hiểu mục 2: Đại thi hào dân tộc *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS hoạt động nhóm. Phát PHT số 3 để HS thảo luận và hoàn thành Nhóm 1 ? Nêu nét chính về sự nghiệp văn học của Nguyễn Du ? Vì sao bài viết khẳng định thơ chữ Hán của Nguyễn Du “là bức chân dung tự họa về một con người có tấm lòng nhân đạo bao la, sâu sắc”? Nhóm 2	học-> ảnh hưởng tới con người và tài năng văn chương của thi hào b. Hoàn cảnh lịch sử xã hội, thời đại - Nguyễn Du sống vào giai đoạn cuối nhà Lê, giai đoạn sụp đổ của vua Lê- chúa Trịnh - Cuộc khởi nghĩa nông dân-khởi nghĩa Tây Sơn (Nguyễn Huệ lật đổ vua Lê chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, chúa Nguyễn Đàng Trong, phá quân Xiêm ở Phương Nam, diệt quân Thanh xâm lược ở Phương Bắc thu giang sơn về một mối..) c. Cuộc đời, con người: -Thời thơ ấu và niên thiếu: sống sung túc trong đại gia đình quý tộc - Trưởng thành: + 10 năm phiêu bạt: (1786- 1796) lánh nạn Tây Sơn + Khi ẩn cư tại quê nhà, lúc làm quan cho triều đình nhà Nguyễn, từng được cử làm chánh sứ sang Trung Quốc... ->Đi nhiều, tiếp xúc nhiều với tầng lớp người trong xã hội-> vốn sống thực tế phong phú, nắm vững ngôn ngữ dân gian, có dịp suy ngẫm nhiều về xã hội và là tiền đề quan trọng để hình thành tài năng, bản lĩnh sáng tạo văn chương và phong cách ngôn ngữ-> bồi đắp cho Nguyễn Du một trí tuệ thông thái, một tâm hồn nghệ sĩ phong phú. 2. Đại thi hào dân tộc a. Sự nghiệp văn học * Bảng chữ Hán: 3 tập thơ (250 bài) - <i>Nam trung tạp ngâm</i>: gồm 40 bài thơ ngâm khi ở phương Nam (thời gian làm quan ở Huế và Quảng Bình- những địa phương ở phía nam Hà Tĩnh, quê hương ông). - <i>Thanh Hiên thi tập</i>: gồm 78 bài viết trong thời gian lưu lạc. - <i>Bắc hành tạp lục</i>: gồm 131 bài được viết trong thời kì đi sứ Trung Quốc. * Bảng chữ Nôm: - Truyện Kiều
--	--

? Giá trị nhân đạo và giá trị hiện thực trong tác phẩm Nguyễn Du thể hiện ở những điểm nào? Nhóm 3 ? Truyện Kiều có những thành công gì về nghệ thuật? ? Vị trí vai trò của Nguyễn Du trong nền VHVN và thế giới *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận và hoàn thành phiếu học tập Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trình bày phần bài làm GV chốt những kiến thức cơ bản (chiếu slide) HS ghi ngắn gọn kết hợp chừa vào phiếu	- Văn tế thập loại chúng sinh -> Các tác phẩm mang giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc b. Nguyễn Du- nhà thơ với cái nhìn hiện thực sâu sắc * Thơ chữ Hán: Khi đi qua nhiều miền quê Việt Nam hay trên hành trình đi sứ Trung Quốc (số phận cơ cực, hẩm hiu như ông già mù hát rong, mẹ con người ăn xin...những con người tài sắc mà bị kịch ->Bất công của xã hội-> lên án tố cáo * Thơ chữ Nôm: - Bức tranh hiện thực về một XH bất công với những thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người, chà đạp lên số phận đau khổ. c. Nguyễn Du- nhà nhân đạo chủ nghĩa * Thơ chữ Hán: - Nguyễn Du hướng về những số phận bất hạnh với niềm cảm thương sâu sắc + Đó là những người phụ nữ sắc tài mà mệnh bạc (Người ca nữ đất La Thành; người gảy đàn đất Long Thành; nàng Tiểu Thanh đất Tây Hồ - Trung Quốc..) + Đó là những người nghèo khổ, Nguyễn Du bắt gặp trên đường đi sứ: ông già mù hát rong, mẹ con người ăn xin... - Hướng về những con người có tài năng, khí tiết thanh cao, nhà thơ bày tỏ niềm cảm thương, trân trọng và ngưỡng mộ; cảm nhận mình là người cùng hội cùng thuyền với những người có tài năng mà bị kịch(Viết về <i>Khuất Nguyên, Đỗ Phủ</i> ..) - Tự thương mình (khi cô đơn không tri âm tri kỉ giữa cuộc đời, giữa thời gian vô định..) * Thơ chữ Nôm: - <i>Truyện Kiều</i> là bức tranh về xã hội hiện thực bất công tàn bạo. Nguyễn Du thể hiện tiếng nói đồng cảm với những bi kịch, đồng tình với khát vọng chân chính của con người
--	--

	+ Tiếng nói đồng cảm với những bi kịch: ./ Bi kịch của Thúy Kiều: Bi kịch tình yêu, gia đình, nhân phẩm, “tài mệnh tương đố”, “hồng nhan bạc phận” + Tiếng nói đồng tình với khát vọng chân chính của con người ./ Thể hiện qua tình yêu Kim Trọng- Thúy Kiều, qua hình tượng NV Thúy Kiều và Từ Hải- > ca ngợi ty tự do chung thủy; khát vọng sống, khát vọng ty - Văn tế thập loại chúng sinh: - Tác giả khóc thương cho những phụ nữ, trẻ em d. Nguyễn Du- thiên tài nghệ thuật * Thơ chữ Hán: - Thể loại phong phú: ngũ ngôn/ thất ngôn/ tứ tuyệt/ bát cú/ trường thiên - Bút pháp nghệ thuật: + Phong phú đa dạng (trữ tình, tự sự, hiện thực, trào phúng) + Hàm súc, cô đọng, ý tại ngôn ngoại, nghệ thuật đối.. - Chất trữ tình hòa quyện chất triết lí-> thâm trầm, sâu sắc * Thơ chữ Nôm (Truyện Kiều) - Kết hợp giữa yếu tố tự sự (truyện) và trữ tình (thơ): Nguyễn Du đã chuyển thể loại từ tiểu thuyết chương hồi- <i>Kim Vân Kiều Truyện</i> sang truyện thơ Nôm - Điểm nhìn trần thuật thay đổi: Từ người đứng ngoài câu chuyện thành người trong cuộc - Ngôn ngữ kể chuyện: Ngôn ngữ trực tiếp, ngôn ngữ gián tiếp. Đặc biệt thành công với ngôn ngữ nửa trực tiếp - Nhân vật: + Được phân chia: tốt- xấu, thiện-ác; nhưng cũng có những nhân vật không phân chia theo loại (nhân vật có sự đan xen tốt – xấu như Thúc Sinh, Hoạn Thư)
--	---

	+ Tính cách nhân vật được khắc họa với dáng vẻ bên ngoài và nội tâm nhân vật (ước lệ, bút pháp tả thực) -Trong <i>Truyện Kiều</i>, thiên nhiên có khi là đối tượng thẩm mĩ, được miêu tả chân thực, sinh động, có khi là phương tiện thể hiện tình cảm với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. - Tiếng Việt trong <i>Truyện Kiều</i>: Giàu, đẹp; kết hợp ngôn ngữ đời sống, ngôn ngữ văn học dân gian, ngôn ngữ bác học kết tinh từ sách vở.. <=> Nhận xét: * Những đóng góp của Nguyễn Du không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với văn hóa, văn học Việt Nam mà còn mang tầm vóc quốc tế * Tổ chức UNESCO đã chọn Nguyễn Du là nhân vật văn hóa do thế giới vinh danh à năm 2015, toàn thế giới kỉ niệm 250 năm ngày sinh của Đại thi hào				
Hoạt động: Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu câu hỏi dạng trắc nghiệm để HS suy nghĩ, củng cố kiến thức Câu 1. Câu nào sau đây không đúng khi nói về nghệ thuật của <i>Truyện Kiều</i>? A. Có nghệ thuật dẫn chuyện hấp dẫn. B. Trình bày diễn biến sự việc theo chương hồi. C. Sử dụng ngôn ngữ dân tộc và thể thơ lục bát một cách điêu luyện. D. Nghệ thuật khắc họa tính cách và miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc. Câu 2. Những điểm đặc sắc của tư tưởng, tình cảm Nguyễn Du trong các sáng tác bằng chữ Hán là gì?	Luyện tập, liên hệ, mở rộng, kết nối HS hoạt động cá nhân, lựa chọn phương án trả lời GV nhận xét, chiếu đáp án <table><tr><td>1.B</td><td>2.D</td><td>3.B</td><td>4. D</td></tr></table>	1.B	2.D	3.B	4. D
1.B	2.D	3.B	4. D		

A. Ca ngợi, đồng cảm với nhân cách cao thượng và phê phán cái xấu. B. Phê phán xã hội phong kiến chà đạp lên quyền sống của con người. C. Cảm thông với những số phận nhỏ bé, bị chà đạp. D. Tất cả các đáp án trên đều đúng. Câu 3 Văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX, Nguyễn Du được đánh giá như thế nào? A. Ông hoàng của thơ Nôm B. Nhà thơ nhân đạo C. Nhà văn chính luận kiệt xuất D. Nhà thơ trữ tình chính trị Câu 4 Cuộc đời gió bụi hơn 10 năm trời của Nguyễn Du bắt đầu từ năm nào? A. 1781 B. 1783 C. 1785 D. 1789 *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, trả lời *Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS thảo luận, trình bày *Bước 4: Kết luận, nhận định GV chốt đáp án	
GV nêu vấn đề vận dụng: Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Du gợi cho em những suy nghĩ tình cảm gì	HS tự do trình bày suy nghĩ, tình cảm mà mình đã cảm nhận được từ cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Du - Trân trọng, yêu quý vẻ đẹp nhân cách con người Nguyễn Du - Tự hào, ngợi ca tài năng văn chương của

	Nguyễn Du...
--	--------------

NHIỆM VỤ VỀ NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh (chân dung Nguyễn Du)
- Tìm đọc thêm các tác phẩm của Nguyễn Du ngoài chương trình sgk
- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu về văn bản “ Trao duyên” (Đọc bài, trả lời câu hỏi trong SGK)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sách ngữ văn 11 (tập 1- bộ Cánh Diều)
 2. Sách giáo viên 11 (tập 1- bộ Cánh Diều)
 3. Phương pháp đọc hiểu và viết dùng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa Ngữ Văn 11 (Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội- Đào Phương Huệ chủ biên)
-
-

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc hiểu mục I- Nguyễn Du cuộc đời và sự nghiệp và thực hiện các yêu cầu sau:

Nhóm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Nội dung tìm hiểu	Cuộc đời Nguyễn Du từng trải với vốn sống phong phú		
Câu hỏi gợi ý	? Những đặc điểm lưu ý về gia đình, dòng họ Nguyễn Du	? Những biến cố lịch sử nào tác động tới cuộc đời, con người Nguyễn Du	? Những điểm đáng lưu ý nào về cuộc đời có ảnh hưởng tới sáng tác văn chương của Nguyễn Du
Sản phẩm cần đạt			

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Nguyễn Du- Đại thi hào dân tộc

Câu 1 Nét chính về sự nghiệp văn học của Nguyễn Du ? Vì sao bài viết khẳng định thơ của Hân của Nguyễn Du “là bức chân dung tự họa về một con người có tấm lòng nhân đạo bao la, sâu sắc”?

.....
.....
.....

Câu 2 Giá trị nhân đạo và giá trị hiện thực của Nguyễn Du thể hiện ở những điểm nào?

.....
.....
.....

Câu 3. Truyện Kiều có những thành công gì về nghệ thuật? Vị trí vai trò của Nguyễn Du trong nền VHVN và thế giới.

.....
.....